

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số KTHM/06/17h00/DBIE
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Điện Biên, ngày 15 tháng 12 năm 2024

ĐẾN SỐ 16263... BÀN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
Ngày: THỜI HẠN MÙA TRÊN KHU VỰC TỈNH ĐIỆN BIÊN
Chuyên: 18/12/2024... (Từ tháng 01/2025 đến tháng 06/2025)
Lưu hồ sơ số:

**I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NỔI BẬT
TRONG 2 THÁNG QUA**

1. Tình hình khí tượng:

a. Thời tiết nguy hiểm:

+ *Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: Trong tháng 10, 11 đã xuất hiện 05 cơn bão gồm: Bão số 5 (KRATHON) và bão số 6 (TRAMI), Bão số 7 (YINXING), bão số 8 (TORAJI), bão số 9 (MANYI) không ảnh hưởng đến thời tiết tỉnh Điện Biên.

+ *Không khí lạnh (KKL)*:

Tháng 10/2024 xuất hiện 2 đợt KKL yếu lệch đông vào các ngày 04/10 và 23/10, do ảnh hưởng của KKL tăng cường yếu nên thời tiết tỉnh Điện Biên mây thay đổi, đêm và sáng sớm trời lạnh, vùng núi cao trời rét. Nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 18 - 20°C; vùng núi cao Pha Đin 14°C (vào ngày 04/10/2024).

Trong tháng 11/2024 đã xuất hiện 04 đợt KKL vào các ngày 02/11 và 04/11, 16-18/11, 26-28/11. Trong đó lưu ý đợt KKL ngày 26-28/11, do ảnh hưởng của KKL tăng cường nên thời tiết tỉnh Điện Biên mây thay đổi đến nhiều mây, phổ biến không mưa, đêm và sáng trời rét, có nơi rét đậm, vùng núi cao rét hại. Nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 10 - 12°C, có nơi 15°C; vùng núi cao Pha Đin 8°C (ngày 29/11/2024).

Trong nửa đầu tháng 12 đã xuất hiện 02 đợt KKL vào các ngày 05/12 - 07/12 và 14/12 đến nay. Do ảnh hưởng của KKL nên thời tiết tỉnh Điện Biên nhiều mây, không mưa, trời rét, vùng núi cao rét đậm rét hại. Nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 12 - 14°C, vùng núi cao Pha Đin 8 - 10°C.

+ *Nắng nóng*: Không xuất hiện.

+ *Mưa điện rộng*:

Tháng 10 có 01 ngày mưa lớn, ngày 01/10, do chịu ảnh hưởng của rãnh áp thấp kết hợp với vùng hội tụ gió trên mực 1500m - 3000m nên tỉnh Điện Biên xảy ra ngày mưa vừa rải rác, có nơi mưa to, mưa rất to và dông. Tổng lượng mưa các nơi phổ biến từ 10 - 50mm, có nơi cao hơn như điểm đo mưa tự động Ta Ma 84mm, Phi Nhù 2 84mm, Sín Chải 58mm, Phình Sáng 58mm, Mường Báng 53mm.

b. Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa:

+ *Nhiệt độ trung bình*:

Nhiệt độ không khí trung bình tháng 10 các nơi dao động từ 23,9 - 25,2⁰C, Pha Đin 18,7⁰C. So trung bình nhiều năm (TBNN) các nơi cao hơn từ 0,8 - 1,9⁰C. So cùng kỳ năm trước (CKNT) các nơi phổ biến xấp xỉ (Tuần Giáo thấp hơn 1,2⁰C).

Nhiệt độ không khí trung bình tháng 11 các nơi dao động từ 19,9 - 22,6⁰C, Pha Đin 16,1⁰C. So trung bình nhiều năm (TBNN) các nơi cao hơn từ 0,5 - 1,5⁰C; so cùng kỳ năm trước (CKNT) các nơi đạt xấp xỉ.

Trong nửa đầu tháng 12/2024, nhiệt độ trung bình các nơi cao hơn TBNN và CKNT từ 0,1 - 5,9⁰C.

+ *Diễn biến lượng mưa:*

Tháng 10 các nơi có từ 4 - 5 ngày mưa. Tổng lượng mưa tháng các nơi dao động từ 25 - 82mm. So TBNN, CKNT.

Lượng mưa ngày lớn nhất các nơi dao động từ 11 - 33mm; xảy ra vào các ngày 01 và 14/10/2024 (Mường Lay đạt 33mm xảy ra ngày 01/10).

Trong tháng 11/2024, các nơi có từ 1 - 2 ngày mưa. Tổng lượng mưa tháng các nơi dưới 5mm. So TBNN, CKNT.

Trong nửa đầu tháng 12/2024 các nơi có từ 3 - 4 ngày mưa. Tổng lượng mưa tháng các nơi dao động từ 6 - 22mm (Mường Lay đạt 16mm xảy ra ngày 05/12).

2. Tình hình thủy văn, nguồn nước:

2.1 Trên sông Đà:

- Tại trạm Thủy văn Mường Lay: Mực nước biến đổi theo điều tiết của hồ thủy điện Sơn La. Mực nước trung bình, cao nhất, thấp nhất tháng 10/2024, tháng 11/2024 ở mức thấp hơn và xấp xỉ CKNT, nửa đầu tháng 12/2024 ở mức xấp xỉ CKNT.

2.2 Trên sông Nậm Mực:

- Tại trạm Thủy văn Na Sang: Mực nước biến đổi theo điều tiết của thủy điện Huổi Vàng. Mực nước trung bình, cao nhất, thấp nhất tháng 10/2024 và nửa đầu tháng 12/2024 ở mức xấp xỉ CKNT, tháng 11/2024 ở mức cao hơn xấp xỉ CKNT.

2.3 Trên sông Nậm Nưa:

- Tại trạm Thủy văn Bản Yên: Mực nước trung bình, cao nhất, thấp nhất tháng 10/2024 ở mức xấp xỉ TBNN cao hơn CKNT, tháng 11/2024 và nửa đầu tháng 12/2024 ở mức thấp hơn và xấp xỉ TBNN, CKNT.

2.4 Nguồn nước

Nguồn nước trên sông Đà tháng 10/2024, tháng 11/2024 và nửa đầu tháng 12/2024 xấp xỉ CKNT.

Nguồn nước trên sông Nậm Mực và Nậm Nưa tháng 10/2024, tháng 11/2024 và nửa đầu tháng 12/2024 phổ biến cao hơn và xấp xỉ CKNT.

Bảng Đặc trưng mực nước trên các sông trong tỉnh (từ 16/10/2024 đến 15/12/2024)

| TT | Sông | Trạm | H _{max} (cm) | | H _{min} (cm) | | H _{tb} (cm) |
|----|---------|-----------|-----------------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------------|
| | | | Trị số | Xuất hiện | Trị số | Xuất hiện | Trị số |
| 1 | Đà | Mường Lay | 21510 | 18/XI | 21425 | 27/X | 21477 |
| 2 | Nậm Múc | Na Sang | 35018 | 04/XI | 34882 | 11/XI | 34920 |
| 3 | Nậm Nưa | Bản Yên | 47172 | 17/X | 47125 | 13/XII | 47144 |

II. DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN (từ tháng 01 - 3/2025).

1. Khí tượng:

1.1 Hiện tượng ENSO: Trong ba tháng đầu năm 2025, ENSO tiếp tục duy trì ở trạng thái trung tính.

1.2 Bão/ATNĐ: Trong ba tháng đầu năm 2024, trên Biển Đông ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ.

1.3. Không khí lạnh: KKL có khả năng hoạt động mạnh trong tháng 01-02/2025 và gây ra các đợt rét đậm, rét hại; tháng 3/2025 hoạt động của KKL xấp xỉ TBNN.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:

Hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng ở các khu vực trên phạm vi toàn quốc. Cần đề phòng khả năng xảy ra băng giá, sương muối ở vùng núi cao từ tháng 01 đến nửa cuối tháng 02/2025.

1.4. Mưa lớn, dông, lốc, sét, mưa đá: Có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh trong các đợt gió mùa Đông Bắc tràn xuống nước ta.

1.5. Nắng nóng: Có khả năng xuất hiện xấp xỉ TBNN.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Hiện tượng mưa lớn, nắng nóng, dông, lốc, sét, mưa đá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng ở các khu vực trên phạm vi toàn quốc.

1.6. Xu thế nhiệt độ trung bình

Tháng 01-3/2025, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

1.7. Xu thế lượng mưa

Tháng 01-02/2025, TLM phổ biến từ 20-40mm (xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ). Tháng 3/2025 TLM phổ biến 50-80mm (lớn hơn 5-10mm so với TBNN cùng kỳ).

Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa phổ biến từ tháng 01 - 3/2025

| ĐIỂM DỰ BÁO | Tháng 01/2025 | | Tháng 02/2025 | | Tháng 03/2025 | |
|----------------|---------------|---------|---------------|---------|---------------|---------|
| | Ttb (°C) | R (mm) | Ttb (°C) | R (mm) | Ttb (°C) | R (mm) |
| Điện Biên | 17.0 - 18.0 | 20 - 40 | 19.0 - 20.0 | 10 - 30 | 21.0 - 22.0 | 30 - 60 |
| Mường Lay | 17.0 - 18.0 | 20 - 40 | 20.0 - 21.0 | 20 - 40 | 22.0 - 23.0 | 40 - 70 |
| Tuần Giáo | 15.0 - 16.0 | 20 - 40 | 17.0 - 18.0 | 20 - 40 | 20.0 - 21.0 | 40 - 70 |
| Pha Đin | 12.0 - 13.0 | 20 - 40 | 15.0 - 16.0 | 20 - 40 | 18.0 - 19.0 | 40 - 70 |
| Tủa Chùa | 12.0 - 13.0 | 20 - 40 | 15.0 - 16.0 | 20 - 40 | 18.0 - 19.0 | 40 - 70 |
| Mường Ảng | 15.0 - 16.0 | 20 - 40 | 17.0 - 18.0 | 20 - 40 | 20.0 - 21.0 | 40 - 70 |
| Điện Biên Đông | 15.0 - 16.0 | 20 - 40 | 17.0 - 18.0 | 20 - 40 | 20.0 - 21.0 | 40 - 70 |
| Mường Chà | 17.0 - 18.0 | 20 - 40 | 20.0 - 21.0 | 20 - 40 | 22.0 - 23.0 | 40 - 70 |
| Nậm Pồ | 17.0 - 18.0 | 20 - 40 | 20.0 - 21.0 | 20 - 40 | 22.0 - 23.0 | 40 - 70 |
| Mường Nhé | 17.0 - 18.0 | 20 - 40 | 20.0 - 21.0 | 20 - 40 | 22.0 - 23.0 | 40 - 70 |

2. Thủy văn và nguồn nước:

- Mức nước từ tháng 01 - 3/2025 trên các sông Đà, sông Nậm Mức biến đổi theo điều tiết của hồ thủy điện. Mức nước phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn CKNT.

- Mức nước từ tháng 01 - 3/2025 trên sông Nậm Nưa: Mức nước biến đổi chậm. Mức nước phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN và cao hơn CKNT.

- Cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

Đề phòng xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn nước cục bộ trong thời kỳ tháng 01 - 3/2024.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: ít có khả năng xảy ra tác động.

Bảng dự báo thủy văn từ tháng 01 - 3/2025

| Sông | Trạm | Tháng 01/2025 | | | Tháng 02/2025 | | | Tháng 3/2025 | | |
|---------|-----------|---------------|-----------|-----------|---------------|-----------|-----------|--------------|-----------|-----------|
| | | Htb (cm) | Hmax (cm) | Hmin (cm) | Htb (cm) | Hmax (cm) | Hmin (cm) | Htb (cm) | Hmax (cm) | Hmin (cm) |
| Đà | Mường Lay | 21450 | 21500 | 21400 | 21430 | 21470 | 21380 | 21400 | 21450 | 21350 |
| Nậm Mức | Na Sang | 34910 | 34950 | 34882 | 34907 | 34950 | 34882 | 34900 | 34940 | 34882 |
| Nậm Nưa | Bản Yên | 47120 | 47125 | 47118 | 47117 | 47120 | 47115 | 47113 | 47117 | 47110 |

Bảng dự báo nguồn nước từ tháng 01 - 3/2025

| Sông | Trạm | Tháng 01/2025 | | Tháng 02/2025 | | Tháng 3/2025 | |
|---------|-----------|---------------|---------------------------------------|---------------|---------------------------------------|---------------|---------------------------------------|
| | | Tổng mưa (mm) | Tổng nước mặt (triệu m ³) | Tổng mưa (mm) | Tổng nước mặt (triệu m ³) | Tổng mưa (mm) | Tổng nước mặt (triệu m ³) |
| Đà | Mường Lay | 20 | 3,529 | 20 | 1,981 | 20 | 3,076 |
| Nậm Mức | Na Sang | 20 | 0,040 | 20 | 0,032 | 20 | 0,022 |
| Nậm Nưa | Bản Yên | 20 | 0,004 | 20 | 0,005 | 20 | 0,004 |

III. XU THẾ THỜI TIẾT, THỦY VĂN (từ tháng 4 - 6/2025)

1. Khí tượng

1.1 Hiện tượng ENSO: Hiện tượng ENSO có khả năng tiếp tục ở trạng thái trung tính từ tháng 4 đến tháng 6/2025.

1.2 Bão/ATNĐ: Tháng 4/2025 bão/ATNĐ ít có khả năng hoạt động trên Biển Đông; từ tháng 5-6/2025 hoạt động bão/ATNĐ trên Biển Đông và đổ bộ ở mức tương đương TBNN (TBNN trên Biển Đông: 1,6 cơn, đổ bộ vào đất liền: 0,3 cơn).

1.3. Nắng nóng: Nắng nóng lan dần sang phía Đông trong tháng 5- 6/2025, đề phòng xảy ra nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Hiện tượng nắng nóng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng như sốc nhiệt, mất nước.

1.4. Xu thế nhiệt độ trung bình: Từ tháng 4-6/2025, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN.

1.5. Xu thế lượng mưa: Tháng 4-6/2025, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Cụ thể: tháng 4/2025, TLM phổ biến 70-120mm; tháng 5/2025, TLM phổ biến từ 180-270mm; tháng 6/2025, TLM phổ biến từ 200-300mm, có nơi trên 500mm.

2. Thủy văn

- Mức nước từ tháng 4 - 6/2025 trên các sông Đà, sông Nậm Mức biến đổi theo điều tiết của hồ thủy điện. Mức nước trên sông Đà ở mức xấp xỉ và cao hơn CKNT. Mức nước trên sông Nậm Mức ở mức xấp xỉ CKNT.

- Mức nước từ tháng 4 - 6/2025 trên sông Nậm Nưa: Mức nước xuất hiện lũ tiểu mãn và 01- 02 trận lũ nhỏ vào thời kỳ cuối tháng 5 và tháng 6. Mức nước ở mức xấp xỉ TBNN, CKNT.

- Tổng lượng nước mưa từ tháng 4 - 6/2025 trên các sông khu vực tỉnh Điện Biên ở mức xấp xỉ TBNN. Tổng lượng nước mặt các sông ở khu vực tỉnh Điện Biên từ tháng 4 - 6/2024 ở mức phổ biến xấp xỉ và cao hơn CKNT.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra từ tháng 4 - 6/2025: Đề phòng xảy ra lũ quét, sạt lở đất đá trên khu vực.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Do ảnh hưởng của sạt lở đất đá trên khu vực sẽ gây thiệt hại đến giao thông, nhà cửa, tài sản và tính mạng của nhân dân.

Bản tin dự báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa tiếp theo được phát vào ngày 15 tháng 02 năm 2025.

Tin phát lúc: 17 giờ 00 phút

Nơi nhận:

- Văn phòng tỉnh Ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Vụ Quản lý dự báo, Tổng cục KTTV;
- BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh;
- Báo tỉnh;
- Lưu Đài tỉnh./.

Người chịu trách nhiệm

ban hành bản tin



Trần Thị Phương Hoa